

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TML24B2**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH04226**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Tiếng anh**

Số TC: **4**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2					Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2455202050567	Lâm Hoàng	Anh	21/01/2009			0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
2	2455202050568	Lâm Quốc	Bảo	10/11/2009			0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
3	2455202050569	Lý Gia	Bảo	14/11/2009			5	7.0	4.0	8.0	0.0		0.0	0.0	1.9
4	2455202050570	Phạm Thành	Công	30/11/2008			7	5.0	5.0	7.0	6.0		5.8		5.8
5	2455202050571	Huỳnh Anh	Duy	08/05/2009			7	6.0	5.0	5.0	5.0		5.0		5.2
6	2455202050572	Nguyễn Thế	Duy	31/03/2009			6	4.0	6.0	7.0	5.0		5.0		5.2
7	2455202050573	Lê Quốc	Đạt	13/03/2009			7	6.0	6.0	7.0	7.0		5.3		5.8
8	2455202050574	Trương Phạm Hải	Đăng	08/02/2009			6	5.0	6.0	7.0	6.0		6.0		6.0
9	2455202050575	Đỗ Quốc	Hào	13/09/2009			7	7.0	7.0	5.0	5.0		5.5		5.7
10	2455202050576	Trần Nhật	Hào	25/10/2009			5	6.0	6.0	3.0	5.0		5.0		5.0
11	2455202050577	Trần Trung	Hiền	26/07/2009			5	7.0	4.0	0.0	0.0		0.0	0.0	1.2
12	2455202050578	Huỳnh Nguyễn Minh	Hiếu	22/10/2009			0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
13	2455202050579	Nguyễn Đức	Huy	17/07/2009			8	5.0	5.0	5.0	5.0		8.3		7.1
14	2455202050580	Trịnh Quang	Huy	30/12/2009			7	7.0	8.0	6.0	7.0		6.5		6.7
15	2455202050581	Trần Minh	Khải	30/12/2009			5	4.0	7.0	6.0	6.0		5.0		5.3
16	2455202050582	Lâm Thái	Khang	11/10/2009			6	4.0	7.0	6.0	6.0		5.0		5.3
17	2455202050583	Nguyễn Trọng	Khương	16/12/2009			7	4.0	6.0	8.0	4.0		5.8		5.7
18	2455202050584	Lê Trung	Kiên	03/04/2009			7	6.0	6.0	7.0	6.0		5.0		5.5
19	2455202050585	Trịnh Anh	Kiệt	19/11/2009			8	7.0	7.0	8.0	7.0		6.3		6.7
20	2455202050586	Mo Ha Med Sa	Leh	18/08/2009			5	6.0	4.0	5.0	5.0		2.3		3.4
21	2455202050587	Nguyễn Trọng	Lễ	23/02/2009			7	7.0	8.0	5.0	7.0		6.3		6.5
22	2455202050588	Đoàn Quốc	Minh	24/11/2009			7	7.0	5.0	7.0	6.0		6.8		6.6
23	2455202050589	Phạm Quốc	Minh	01/03/2009			6	5.0	6.0	8.0	7.0		5.3		5.8
24	2455202050590	Nguyễn Hòa	Nam	15/05/2009			5	7.0	5.0	5.0	6.0		6.8		6.3
25	2455202050591	Lê Thanh	Phú	27/07/2009			5	5.0	5.0	5.0	5.0		6.0		5.6
26	2455202050592	Nguyễn Văn	Quý	19/02/2009			6	6.0	5.0	4.0	6.0		5.3		5.3
27	2455202050593	As Sa Na	Quý	19/11/2008			6	6.0	5.0	7.0	7.0		5.0		5.5
28	2455202050594	Nguyễn Huỳnh Duy	Tân	10/08/2009			5	5.0	5.0	5.0	5.0		3.0		3.8
29	2455202050595	Chau Quốc	Thái	07/04/2009			0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
30	2455202050596	Nguyễn Hoàng	Thiện	28/12/2009			6	5.0	6.0	4.0	6.0		5.5		5.4
31	2455202050597	Trương Võ Thanh	Thương	19/07/2009			8	8.0	6.0	8.0	8.0		7.5		7.5
32	2455202050598	Dương Minh	Triết	19/12/2009			0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
33	2455202050599	Đình Minh	Triết	10/12/2009			6	4.0	5.0	5.0	6.0		3.0		3.8
34	2455202050600	Sa Phi Y Dương Anh	Tuấn	20/09/2008			6	6.0	5.0	8.0	7.0		6.3		6.4
35	2455202050601	Võ Anh	Vinh	22/09/2009			8	7.0	7.0	8.0	7.0		7.0		7.1

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 6 tháng 2 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Đỗ Thị Thùy Trang